

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ - ST
Ngày 17 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Văn Vệ.

Ông Hà Bảo Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 58/2022/QĐST - HNGĐ giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị T, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau năm 1998, trên tinh thần

tự nguyện, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm thương yêu lẫn nhau. Hiện nay chị và anh H đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh năm 2002. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng của Tòa án cho anh và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 chị Tạ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Chị xác định hiện nay vì điều kiện công việc nên chị đề nghị Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Tạ Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn H Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên anh H vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân giữa T và anh H được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay chị T và anh H đã sống ly thân với nhau. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng

giữa chị T và anh H thực tế phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng không thể đảm bảo mang lại hạnh phúc cho đôi bên. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tạ Thị T đối với anh Nguyễn Văn H.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh năm 2002. Hiện nay hai con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn H tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tạ Thị T đối với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chỉ Tạ Thị T phải nộp 300.000 đồng. Chỉ T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020060 ngày 23/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

